

Số: 753 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp” (kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí Thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2b). 36

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Nguyễn Hoà Bình



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2025

ĐỀ ÁN

**Sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp
và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 759 /QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025
của Thủ tướng Chính phủ)

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ VÀ QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự phân chia đơn vị hành chính (ĐVHC) lãnh thổ ở các quốc gia đều dựa trên những tiêu chí, những đặc trưng nhất định về địa lý tự nhiên, các điều kiện kinh tế - xã hội, yếu tố dân cư, lịch sử, văn hóa. Trong bối cảnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN), xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam và hội nhập quốc tế sâu rộng cần thiết phải mở rộng và đảm bảo tính thống nhất về không gian địa lý, sự liên thông các nguồn lực, bố trí và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực phát triển của đất nước. Việc xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả với sự tham gia của nhiều chủ thể dựa trên nền tảng công nghệ thông tin, chuyển đổi số đã và đang làm thay đổi vai trò quản lý của các cấp chính quyền địa phương. Hệ thống hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghệ thông tin ngày càng phát triển, tạo khả năng kết nối hiệu quả giữa chính quyền và người dân, cộng đồng doanh nghiệp, khoảng cách không gian giữa chính quyền và người dân, doanh nghiệp không còn nhiều ý nghĩa về địa lý và ranh giới địa giới giữa các ĐVHC. Vì vậy, tổ chức hợp lý, hướng đến ổn định lâu dài của ĐVHC các cấp có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương, phát huy được những tiềm năng, lợi thế của mỗi địa phương, vùng nói riêng và của cả nước nói chung.

2. Chính quyền địa phương nước ta có quá trình hình thành, phát triển gắn với quá trình tổ chức ĐVHC 03 cấp (tỉnh, huyện, xã) ổn định xuyên suốt từ thời kỳ đầu thành lập nước đến nay cơ bản bảo đảm sự kế thừa, bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống, lịch sử, văn hoá của mỗi ĐVHC. Đặc biệt, trong bối cảnh đất nước bắt đầu công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, tình hình chính trị

quốc tế có nhiều biến động, điều kiện kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn, hạ tầng kỹ thuật còn thiếu thốn thì việc tổ chức chính quyền địa phương theo 03 cấp ĐVHC và xu hướng chia tách ĐVHC để thuận lợi cho công tác quản lý dân cư, quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn từng ĐVHC, tạo điều kiện cho vùng nghèo, vùng sâu, vùng xa được ưu tiên bố trí nguồn lực cho phát triển, đồng thời bảo đảm khả năng kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên đối với cơ quan nhà nước cấp dưới.

3. Tuy nhiên, việc chia nhỏ ĐVHC và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 03 cấp đã phát sinh nhiều bất cập, làm phân tán các nguồn lực, không phát huy được hết lợi thế, tiềm năng phát triển của các địa phương; làm tăng số lượng ĐVHC các cấp, theo đó tăng số lượng các cơ quan, tổ chức của đảng, đoàn thể, chính quyền, tăng số lượng biên chế cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị ở địa phương, dẫn đến tổ chức bộ máy chính quyền địa phương nói riêng, hệ thống chính trị các cấp nói chung công kênh, tầng nấc, lãng phí ngân sách nhà nước và nguồn lực cho đầu tư phát triển. Nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp chính quyền địa phương có sự chồng lấn, trùng lặp giữa cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã (có nhiệm vụ 03 cấp đều thực hiện, có nhiệm vụ cấp tỉnh và cấp huyện; cấp huyện và cấp xã cùng thực hiện). Chính quyền địa phương ở cấp huyện chủ yếu giữ vai trò trung gian trong thực thi chính sách, pháp luật và các văn bản hướng dẫn thực hiện từ cấp tỉnh xuống cấp xã.

4. Trong bối cảnh bộ máy nhà nước đang đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, xã hội số thì nhiều hoạt động hành chính truyền thống đã được số hoá và triển khai thực hiện trên môi trường mạng. Chuyển đổi số gắn với chuyển đổi quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến giúp giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào ranh giới địa giới hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và bảo đảm hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên. Đồng thời, việc tái cấu trúc quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính giúp đơn giản hóa trình tự, thủ tục thực hiện công việc của cán bộ, công chức, viên chức, góp phần tăng năng suất và hiệu quả công việc. Nhiều công việc quản lý trung gian được thay thế bằng hệ thống phần mềm điện tử, giúp vận hành hiệu quả hơn mà không cần nhiều tổ chức hành chính và biên chế.

5. Trên cơ sở thực tiễn tổ chức ĐVHC các cấp thời gian qua và kết quả tích cực của công tác sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021 và giai đoạn 2023 - 2025, Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 và Kết luận số 127-PKL/TW ngày 28/02/2025 trong đó đã yêu cầu “Nghiên cứu định hướng sáp nhập một số ĐVHC cấp tỉnh,

không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số ĐVHC cấp xã; thực hiện mô hình địa phương 02 cấp (tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể), bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả”.

Từ các căn cứ nêu trên, để tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng tại Nghị quyết Đại hội XIII, Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 27-NQ/TW, Kết luận số 126-KL/TW và Kết luận số 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương trong kỷ nguyên mới của đất nước, của dân tộc, phù hợp với xu thế chung của thế giới thì việc xây dựng ‘*Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp*’ là cần thiết.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ chính trị

1.1. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ: *“Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và nghiên cứu triển khai thực hiện ở cấp tỉnh phù hợp với quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp¹”*.

1.2. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII đã xác định: *“Từ năm 2021 đến năm 2030, cơ bản hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định²”*.

1.3. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã xác định: *“Tiếp tục sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã; nghiên cứu thí điểm sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh phù hợp với quy hoạch tổng thể các đơn vị hành chính của quốc gia và từng địa phương”*.

1.4. Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đã đề ra mục tiêu: *“Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt tối thiểu 45%, đến năm 2030 đạt trên 50%”*; *“Nghiên cứu, sắp xếp, sáp nhập, thành lập mới đơn vị hành chính đô thị bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, phù hợp với quy hoạch và yêu cầu phát triển”*.

1.5. Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025 đã chỉ đạo: *“Nghiên cứu định hướng tiếp tục*

¹ Điểm 2.4 khoản 2 mục III Phần thứ nhất Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng đã được Đại hội XIII của Đảng ban hành Nghị quyết thông qua.

² Khoản 2 mục II của Nghị quyết số 18-NQ/TW.

sắp xếp bỏ cấp hành chính trung gian (cấp huyện); xây dựng phương án tiếp tục sắp xếp cấp xã phù hợp với mô hình tổ chức mới, đề xuất tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cấp xã, định hướng sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh; đề xuất chủ trương sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật, quy định của Đảng có liên quan, báo cáo Bộ Chính trị trong quý III/2025”.

1.6. Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị “Giao Đảng uỷ Chính phủ chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương và các cơ quan liên quan chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng đề án, tờ trình Bộ Chính trị về sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã.”.

2. Căn cứ pháp lý

2.1. Hiến pháp năm 2013 quy định về tổ chức ĐVHC (Điều 110) và chính quyền địa phương tại các ĐVHC (Điều 111).

2.2. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 đã cụ thể hoá quy định về tổ chức ĐVHC 03 cấp: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; về nguyên tắc tổ chức ĐVHC, nguyên tắc, điều kiện thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC, về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương tại các ĐVHC.

2.3. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022) quy định về tiêu chuẩn của từng ĐVHC theo các tiêu chí diện tích tự nhiên, quy mô dân số, số ĐVHC trực thuộc, cơ cấu, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và các tiêu chí đặc thù (miền núi, vùng cao, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới, đô thị,...).

2.4. Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó quy định tổ chức không gian phát triển đất nước thành 06 vùng kinh tế - xã hội; xây dựng mô hình tổ chức, cơ chế điều phối vùng để thực hiện liên kết nội vùng và thúc đẩy liên kết giữa các vùng, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

2.5. Quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, nông thôn và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Căn cứ thực tiễn

3.1. Quá trình hình thành, phát triển ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương Việt Nam qua các thời kỳ.

3.2. Kết quả và bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021 và giai đoạn 2023 - 2025.

3.3. Kết quả rà soát số lượng ĐVHC các cấp, số liệu diện tích tự nhiên, quy mô dân số, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội theo niên giám thống kê năm 2024, kết quả phân loại ĐVHC và phân loại đô thị của các ĐVHC, các yếu tố đặc thù về lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, điều kiện địa lý - tự nhiên, cộng đồng dân cư, quy mô, trình độ phát triển kinh tế và yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội của từng địa phương.

3.4. Kết quả sơ kết 03 năm thực hiện mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng (các Báo cáo số 591/BC-CP, 592/BC-CP và 593/BC-CP ngày 22/10/2023 của Chính phủ).

3.5. Năng lực, điều kiện thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong bộ máy chính quyền địa phương và mức độ chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử của các địa phương trong thời gian qua.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Thành lập Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW (nội dung về sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương).

2. Xây dựng hồ sơ Đề án trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến.

3. Tiếp thu ý kiến chỉ đạo, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, hoàn thiện hồ sơ Đề án, gửi lấy ý kiến các Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương và các Ban Đảng, Bộ, ngành Trung ương.

4. Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến các Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc Trung ương và các Ban Đảng, Bộ, ngành Trung ương, hoàn thiện hồ sơ Đề án báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

5. Tiếp thu ý kiến chỉ đạo, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, hoàn thiện hồ sơ Đề án trình Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương thống nhất chủ trương thực hiện.

6. Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, hoàn thiện Đề án trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÁC CẤP VÀ XÂY DỰNG MÔ HÌNH TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC VÀ THẾ GIỚI

1. Bối cảnh thế giới

1.1. Thế giới đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp và khó dự báo. Toàn cầu hóa đang làm thay đổi đến việc xác định vai trò quản lý của Nhà nước và bộ máy hành chính các cấp. Một số xu hướng mà nhiều quốc gia trên thế giới đang hướng tới và nghiên cứu áp dụng như mô hình “Nhà nước kiến tạo phát triển”, mở rộng thực hiện tự quản địa phương, xây dựng bộ máy hành chính nhà nước chuyên nghiệp, hiệu quả, đủ năng lực và thẩm quyền; thích ứng nhanh trước các biến động trong khu vực và thế giới. Xu hướng quản trị quốc gia, quản trị địa phương chú trọng tới kết quả, hiệu quả hoạt động quản lý; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; vận dụng các yếu tố của cơ chế thị trường và phương pháp quản trị doanh nghiệp để xã hội hóa một số hoạt động của nhà nước có tính chất cung cấp dịch vụ công; chú trọng quan hệ mạng lưới và đối tác, đề cao sự đồng thuận và lợi ích của các chủ thể (nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức trong nước và quốc tế); thực hiện trách nhiệm báo cáo, giải trình trong các quan hệ hành chính.

1.2. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghiệp công nghệ số phát triển mạnh mẽ, khoa học công nghệ và tri thức được kết nối toàn cầu tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc đã và đang tác động sâu sắc đến mọi mặt của đời sống xã hội, đòi hỏi phải chuyển đổi từ phương thức quản lý truyền thống sang xây dựng Chính phủ và chính quyền điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để quản lý nhà nước, phục vụ người dân ngày càng tốt hơn, đồng thời cũng phải thay đổi từ đối thoại, tiếp xúc giải quyết công việc trực tiếp sang cách tiếp cận mới là sử dụng công nghệ trong kết nối, quản lý nhà nước. Công nghệ thông tin cho phép người dân tiếp cận gần hơn với hoạt động của chính quyền, giám sát hoạt động quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương.

2. Tình hình trong nước

2.1. Sau gần 40 năm đổi mới, thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế, niềm tin của Nhân dân ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quy mô, tiềm lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên, tính tự chủ của nền kinh tế được cải thiện. Chính trị, xã hội ổn định, các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại được quan tâm và có nhiều chuyển biến tích cực. Tổ chức và

hoạt động của chính quyền địa phương các cấp có nhiều cải cách, đổi mới quan trọng đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra đối với đất nước và của từng địa phương. Tuy nhiên, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa và hội nhập quốc tế đã dẫn đến sự phát triển không đồng đều giữa các địa phương, tạo sức ép lớn về nhu cầu phát triển hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội, giải quyết việc làm, các vấn đề xã hội, nhất là xử lý ô nhiễm môi trường,...

2.2. Phân cấp, phân quyền là xu hướng tất yếu trong quản trị nhà nước; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền là một chủ trương xuyên suốt của Đảng, đã được Hiến pháp quy định, cụ thể hóa thành luật và các văn bản dưới luật. Qua đó, các địa phương đã từng bước nâng cao tính chủ động trong quản lý, sử dụng các nguồn lực ở địa phương; có cơ chế điều hành sát hơn với đặc điểm kinh tế - xã hội địa phương. Tuy nhiên, việc phân cấp, phân quyền hiện nay chưa triệt để, thủ tục hành chính còn rườm rà, trách nhiệm chưa rõ ràng, chưa gắn với việc thay đổi đồng bộ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và các hoạt động của các cấp chính quyền, gây ách tắc trong công việc, làm giảm hiệu quả điều hành, quản lý.

2.3. Quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN do Đảng lãnh đạo đòi hỏi sự tham gia của người dân vào hoạt động quản lý nhà nước ngày càng tăng, thực tế sự tham gia của người dân vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế mà nguyên nhân xuất phát từ nhận thức của xã hội và của những người quản lý chưa thực sự đầy đủ và toàn diện; những quy định pháp lý chưa đủ mạnh và chưa đủ rõ để các cơ quan nhà nước, nhất là các cơ quan đại biểu dân cử (HĐND) phải thực hiện các nhiệm vụ mà Nhân dân ủy quyền và chưa có cơ chế hữu hiệu để Nhân dân kiểm soát sự ủy quyền của mình; chưa có những hình thức, phương thức và tổ chức phù hợp và hữu hiệu để sự tham gia của người dân đi vào thực chất.

2.4. Quá trình chuyển đổi số và xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số với mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, chính quyền địa phương, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, rộng khắp là ưu tiên trong chính sách phát triển của nước ta đã và đang tác động trực tiếp đến tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước từ trung ương đến các cấp chính quyền địa phương.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quán triệt quan điểm của Đảng về đổi mới, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, xây dựng hệ thống chính trị Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả; thực hiện đúng nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo việc đổi mới, sắp xếp và quản lý tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

2. Việc sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sắp xếp lại ĐVHC cấp xã phải bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, thống nhất trong hệ thống chính trị; quá trình thực hiện phải thận trọng, kỹ lưỡng, khoa học, có cách làm phù hợp, chặt chẽ, hiệu quả, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

3. Kết hợp hài hoà giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển; có tầm nhìn dài hạn, bảo đảm ổn định lâu dài; phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển của các địa phương, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn mới; làm cơ sở đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương; bảo đảm chính quyền cấp xã gần dân, sát dân và phục vụ người dân tốt nhất.

4. Bảo đảm sự thống nhất nhận thức trong toàn hệ thống chính trị và sự đồng thuận của Nhân dân.

III. NGUYÊN TẮC

1. Việc sắp xếp ĐVHC các cấp ngoài các tiêu chí về diện tích tự nhiên, quy mô dân số theo quy định của pháp luật, cần cân nhắc thấu đáo các tiêu chí về lịch sử, truyền thống, văn hóa, dân tộc; vị trí, điều kiện địa lý; quy mô, trình độ phát triển kinh tế - xã hội; hạ tầng giao thông, công nghệ thông tin; yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia và hội nhập quốc tế.

2. Đặt mục tiêu cao nhất là phát triển đất nước, mở rộng không gian phát triển cho ĐVHC mới, phát huy vai trò dẫn dắt của các vùng động lực, hành lang kinh tế, cực tăng trưởng; ưu tiên sắp xếp các ĐVHC miền núi, đồng bằng với các ĐVHC có biển; kết hợp hài hòa, hợp lý các ĐVHC có vị trí liên kề gắn với yêu cầu định hướng phát triển để hỗ trợ lẫn nhau, cùng thúc đẩy phát triển kinh tế của ĐVHC sau sắp xếp và yêu cầu, định hướng phát triển nhanh, bền vững của đất nước trong giai đoạn mới. Ưu tiên bố trí các khu thương mại tự do, khu, cụm công nghiệp, đô thị, cảng biển, logistics, hồ chứa nước, đập thủy điện,... trong phạm vi 01 ĐVHC cấp xã để thuận lợi trong quản lý nhà nước.

3. Kết thúc hoạt động của ĐVHC cấp huyện và sắp xếp, tổ chức lại các ĐVHC cấp xã thành các ĐVHC cấp xã mới, bảo đảm tinh gọn, giảm cấp trung gian; xây dựng và củng cố chính quyền địa phương cấp xã vững mạnh, gần dân, thiết thực nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân.

IV. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC LẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÁC CẤP

1. Nguyên tắc xác định tên gọi

1.1. Việc đặt tên cho ĐVHC sau sắp xếp phải được nghiên cứu kỹ lưỡng, thấu đáo, cân nhắc thận trọng các yếu tố truyền thống, lịch sử, văn hoá.

1.2. Ưu tiên sử dụng một trong các tên gọi của các ĐVHC trước khi sáp nhập để đặt tên cho ĐVHC hình thành mới, hạn chế tối đa tác động ảnh hưởng tới người dân, doanh nghiệp do phải chuyển đổi giấy tờ, chỉ dẫn địa lý liên quan đến ĐVHC cấp tỉnh.

1.3. Tên gọi của ĐVHC mới cần dễ nhận diện, ngắn gọn, dễ đọc, dễ nhớ, bảo đảm tính hệ thống, khoa học và phát huy được lợi thế so sánh của địa phương, phù hợp với xu thế hội nhập.

1.4. Cấp uỷ, chính quyền địa phương thống nhất nhận thức, có trách nhiệm tạo sự đồng thuận của các tầng lớp Nhân dân địa phương; góp phần giữ gìn, phát huy được giá trị lịch sử, truyền thống, văn hóa và tinh thần đoàn kết của Nhân dân đối với ĐVHC mới sau sắp xếp.

1.5. Nghiên cứu đặt tên của xã, phường theo số thứ tự hoặc theo tên của ĐVHC cấp huyện (trước sắp xếp) có gắn với số thứ tự để thuận lợi cho việc số hoá, cập nhật dữ liệu thông tin.

Tên của xã, phường mới sau sắp xếp không được trùng với tên của ĐVHC cùng cấp hiện có trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc phạm vi tỉnh, thành phố dự kiến thành lập theo định hướng sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nguyên tắc xác định trung tâm hành chính - chính trị

2.1. Lựa chọn trung tâm hành chính - chính trị của 01 trong số các ĐVHC hiện nay là trung tâm hành chính - chính trị của ĐVHC mới để bảo đảm chính quyền địa phương nhanh chóng đi vào hoạt động ổn định.

2.2. Trung tâm hành chính - chính trị của ĐVHC mới có vị trí địa lý thuận lợi, hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, nhất là hệ thống giao thông phát triển (sân bay, đường bộ, cảng,...), dễ dàng kết nối với các khu vực trong nội tỉnh, thành phố và các đô thị lớn, trung tâm kinh tế của cả nước hoặc với hệ thống không gian biển.

2.3. Trung tâm hành chính - chính trị của ĐVHC mới cần có không gian phát triển trong tương lai; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của ĐVHC mới, bảo đảm hài hòa, hợp lý, tránh sự mất cân đối giữa các địa phương khi sáp nhập và giữ vững quốc phòng an ninh.

Sau khi ĐVHC mới đi vào hoạt động ổn định, có thể nghiên cứu quy hoạch, xây dựng các trung tâm hành chính - chính trị mới hợp lý, phù hợp với xu thế phát triển chung của địa phương và tạo ra không gian phát triển mới.

2.4. Cấp uỷ, chính quyền địa phương thống nhất nhận thức, có trách nhiệm tạo sự đồng thuận của các tầng lớp Nhân dân địa phương.

3. Tiêu chí và Phương án sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh

3.1. Tiêu chí

Trên cơ sở nghiên cứu lịch sử hình thành, phát triển, quá trình sắp xếp ĐVHC các cấp ở Việt Nam, cơ sở khoa học về các yếu tố cấu thành ĐVHC hành chính cấp tỉnh và kinh nghiệm quốc tế, đề xuất 06 tiêu chí sau:

3.1.1. Diện tích tự nhiên

Thực hiện sắp xếp đối với các ĐVHC có diện tích tự nhiên không đạt 100% tiêu chuẩn của ĐVHC cấp tỉnh quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15), cụ thể:

- a) Tỉnh thuộc khu vực miền núi, vùng cao: diện tích tự nhiên dưới **8.000 km²**
- b) Tỉnh thuộc khu vực đồng bằng: diện tích tự nhiên dưới **5.000 km²**.

Tiêu chuẩn khi được áp dụng yếu tố đặc thù (ĐVHC nông thôn ở vùng Đồng bằng sông Hồng thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn diện tích tự nhiên bằng 70% mức quy định đối với ĐVHC nông thôn tương ứng): diện tích tự nhiên dưới **3.500 km²**.

- c) Thành phố trực thuộc trung ương: diện tích tự nhiên dưới **1.500 km²**.

3.1.2. Quy mô dân số

Thực hiện sắp xếp đối với các ĐVHC có quy mô dân số không đạt 100% tiêu chuẩn của ĐVHC cấp tỉnh quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15), cụ thể:

- a) Tỉnh thuộc khu vực miền núi, vùng cao: quy mô dân số dưới **900.000** người;

Tiêu chuẩn khi được áp dụng yếu tố đặc thù: Tỉnh miền núi, vùng cao có 30% trở lên dân số là người dân tộc thiểu số thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số bằng 50% mức quy định): quy mô dân số dưới **450.000** người.

- b) Tỉnh thuộc khu vực đồng bằng: quy mô dân số dưới **1.400.000** người;

Tiêu chuẩn khi được áp dụng yếu tố đặc thù: Tỉnh đồng bằng có biên giới quốc gia trên đất liền và có 30% trở lên dân số là người dân tộc thiểu số thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số bằng 50% mức quy định): quy mô dân số dưới **700.000** người.

- c) Thành phố trực thuộc trung ương: quy mô dân số dưới **1.000.000** người.

Tiêu chuẩn khi được áp dụng đặc thù khi có đồng thời 02 yếu tố: (1) Có di sản văn hóa vật thể được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp quốc (UNESCO) công nhận; (2) Được xác định là trung tâm du lịch quốc tế

trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số bằng 50% mức quy định: dưới 500.000 người.

3.1.3. Tiêu chí về lịch sử, truyền thống, văn hoá, dân tộc: Đơn vị hành chính cấp tỉnh có yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hoá, dân tộc tương đồng, bảo đảm khối đoàn kết gắn bó của cộng đồng dân cư; giữ gìn và phát huy văn hóa, lịch sử, dân tộc của mỗi địa phương.

3.1.4. Tiêu chí về địa kinh tế: Đơn vị hành chính cấp tỉnh có vị trí địa lý liên kề, điều kiện tự nhiên, hạ tầng giao thông, sự phân bố và tổ chức các không gian kinh tế, quy mô và trình độ phát triển kinh tế phù hợp nhằm bảo đảm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế của mỗi địa phương, hỗ trợ lẫn nhau để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội chung của ĐVHC sau sắp xếp.

3.1.5. Tiêu chí về địa chính trị: Cân nhắc kỹ các yếu tố về trình độ, năng lực quản lý của cấp ủy, chính quyền địa phương, mức độ chuyển đổi số, việc ứng dụng công nghệ thông tin của chính quyền địa phương và người dân.

3.1.6. Tiêu chí về quốc phòng, an ninh: Việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh phải bảo đảm quốc phòng, an ninh, đặc biệt xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc tại các địa bàn trọng yếu, khu vực đảo, quần đảo và vùng biên giới.

Trường hợp việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh đã phù hợp với định hướng của cấp có thẩm quyền và bảo đảm các tiêu chí của ĐVHC cấp tỉnh nêu trên thì không xem xét điều kiện và không đánh giá tiêu chuẩn khác theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

3.2. Phương án sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh

Căn cứ vào 06 tiêu chí nêu trên và định hướng của Bộ Chính trị, Ban Bí thư tại Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025, Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 và Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025, Chính phủ đã nghiên cứu kỹ lưỡng, đa chiều với tư duy đổi mới và tầm nhìn chiến lược xây dựng phương án sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh trình Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương thông qua với định hướng cụ thể như sau:

3.2.1. Số ĐVHC cấp tỉnh thực hiện sắp xếp

a) Có tổng số 52 ĐVHC cấp tỉnh thực hiện sắp xếp, gồm: 04 thành phố: Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ và 48 tỉnh: Hà Nam, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Thái Bình, Hải Dương, Nam Định, Ninh Bình, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Hoà Bình, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Ninh Thuận, Quảng Trị, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Khánh Hoà, Đắk Nông, Tây Ninh, Bình Dương, Bình Thuận, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bến Tre, Bạc Liêu, Vĩnh Long, Hậu Giang, Trà Vinh, Tiền

Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp, An Giang, Long An, Cà Mau, Quảng Nam, Bình Định, Đắk Lắk, Đồng Nai, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng và Kiên Giang.

b) Riêng đối với tỉnh *Cao Bằng* có diện tích tự nhiên chưa đạt theo quy định (6.700,4 km² chỉ đạt 83,8% tiêu chuẩn) nhưng không thực hiện sắp xếp vì các lý do: (1) Tỉnh có đường biên giới quốc gia rất dài giáp với nước Trung Quốc, địa hình đồi núi cao chia cắt phức tạp, hiểm trở, có gần 95% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số; (2) Các tỉnh giáp ranh đều không phù hợp để sắp xếp, sáp nhập: Phía Tây giáp ranh tỉnh Hà Giang đã dự kiến sáp nhập với tỉnh Tuyên Quang thành một tỉnh mới có diện tích tự nhiên lớn. Phía Nam giáp ranh với tỉnh Bắc Kạn nhưng đã dự kiến sáp nhập với tỉnh Thái Nguyên. Phía Đông giáp ranh với tỉnh Lạng Sơn có diện tích lớn và đã bảo đảm đạt 100% cả 02 tiêu chuẩn về diện tích và quy mô dân số, nếu sáp nhập tỉnh Cao Bằng và tỉnh Lạng Sơn sẽ thành một tỉnh mới có chiều dài đường biên giới lớn, khó khăn trong công tác bảo đảm quốc phòng an ninh.

3.2.2. Phương án sắp xếp cụ thể đối với 52 ĐVHC cấp tỉnh

(1) Sáp nhập tỉnh **Hà Giang** và tỉnh **Tuyên Quang** thành 01 tỉnh mới có tên gọi là **tỉnh Tuyên Quang**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố Tuyên Quang**, **tỉnh Tuyên Quang** hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 13.795,6 km² và quy mô dân số 1.731.600 người.

(2) Sáp nhập tỉnh **Lào Cai** và tỉnh **Yên Bái** thành 01 tỉnh mới có tên gọi là **tỉnh Lào Cai**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố Yên Bái**, **tỉnh Yên Bái** hiện nay (giảm 1 tỉnh) có diện tích tự nhiên 13.257 km² và quy mô dân số 1.656.500 người.

(3) Sáp nhập tỉnh **Bắc Kạn** và tỉnh **Thái Nguyên** thành 01 tỉnh mới có tên gọi là **tỉnh Thái Nguyên**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố Thái Nguyên**, **tỉnh Thái Nguyên** hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 8.375,3 km² và quy mô dân số 1.694.500 người.

(4) Sáp nhập tỉnh **Hòa Bình**, tỉnh **Vĩnh Phúc** và tỉnh **Phú Thọ** để thành 01 tỉnh mới có tên gọi là **tỉnh Phú Thọ**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố Việt Trì**, **tỉnh Phú Thọ** hiện nay (giảm 02 tỉnh) có diện tích tự nhiên 9.361,4 km² và quy mô dân số 3.663.600 người.

(5) Sáp nhập tỉnh **Bắc Giang** và tỉnh **Bắc Ninh** (đã được quy hoạch đến năm 2030 trở thành thành phố trực thuộc trung ương) thành 01 tỉnh mới có tên gọi là **tỉnh Bắc Ninh**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố Bắc Giang**, **tỉnh Bắc Giang** hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 4.718,6 km² và quy mô dân số 3.509.100 người.

(6) Sáp nhập tỉnh **Thái Bình** và tỉnh **Hưng Yên** thành 01 tỉnh mới có tên gọi là **tỉnh Hưng Yên**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố**

Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 2.514,8 km² và quy mô dân số 3.208.400 người.

(7) Sáp nhập tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng thành 01 thành phố trực thuộc trung ương có tên gọi là thành phố Hải Phòng, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 3.194,7 km² và quy mô dân số 4.102.700 người.

(8) Sáp nhập tỉnh Hà Nam, tỉnh Nam Định và tỉnh Ninh Bình (đã được quy hoạch đến năm 2030, cơ bản đạt tiêu chí thành phố trực thuộc Trung ương) thành 01 tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Ninh Bình, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình hiện nay (giảm 02 tỉnh) có diện tích tự nhiên 3.942,6 km² và quy mô dân số 3.818.700 người.

(9) Sáp nhập tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị thành 01 tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Quảng Trị, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 12.700 km² và quy mô dân số 1.584.000 người.

(10) Sáp nhập tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng thành 01 thành phố trực thuộc trung ương có tên gọi là thành phố Đà Nẵng, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 11.859,6 km² và quy mô dân số 2.819.900 người.

(11) Sáp nhập tỉnh Kon Tum và tỉnh Quảng Ngãi thành 01 tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Quảng Ngãi, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 14.832,6 km² và quy mô dân số 1.861.700 người.

(12) Sáp nhập tỉnh Gia Lai và tỉnh Bình Định thành 01 tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Gia Lai, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 21.576,5 km² và quy mô dân số 3.153.300 người.

(13) Sáp nhập tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Khánh Hòa (đã được quy hoạch đến năm 2030 trở thành thành phố trực thuộc trung ương) thành 01 tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Khánh Hòa, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 8.555,9 km² và quy mô dân số 1.882.000 người.

(14) Sáp nhập tỉnh Đắk Nông, tỉnh Bình Thuận và tỉnh Lâm Đồng thành 01 tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Lâm Đồng, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng hiện nay (giảm 02 tỉnh) có diện tích tự nhiên 24.233,1 km² và quy mô dân số 3.324.400 người.

(15) Sáp nhập tỉnh **Phú Yên** và tỉnh **Đắk Lắk** thành 01 tỉnh mới có tên gọi là tỉnh **Đắk Lắk**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố Buôn Ma Thuột**, tỉnh **Đắk Lắk** hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 18.096,4 km² và quy mô dân số 2.831.300 người.

(16) Sáp nhập tỉnh **Bà Rịa - Vũng Tàu**, tỉnh **Bình Dương** và **Thành phố Hồ Chí Minh** thành 01 thành phố trực thuộc trung ương có tên gọi là thành phố **Hồ Chí Minh**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **Quận 1**, thành phố **Hồ Chí Minh** hiện nay (giảm 02 tỉnh), có diện tích tự nhiên 6.772,6 km² và quy mô dân số 13.608.800 người.

(17) Sáp nhập tỉnh **Bình Phước** và tỉnh **Đồng Nai** thành 01 tỉnh mới có tên gọi là tỉnh **Đồng Nai**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố Biên Hoà**, tỉnh **Đồng Nai** hiện nay (giảm 1 tỉnh) có diện tích tự nhiên 12.737,2 km² và quy mô dân số 4.427.700 người.

(18) Sáp nhập tỉnh **Tây Ninh** và tỉnh **Long An** thành 01 tỉnh mới có tên gọi là tỉnh **Tây Ninh**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố Tân An**, tỉnh **Long An** hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 8.536,5 km² và quy mô dân số 2.959.000 người.

(19) Sáp nhập tỉnh **Sóc Trăng**, tỉnh **Hậu Giang** và thành phố **Cần Thơ** thành 01 thành phố trực thuộc trung ương mới có tên gọi là thành phố **Cần Thơ**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **quận Ninh Kiều**, thành phố **Cần Thơ** hiện nay (giảm 02 tỉnh), có diện tích tự nhiên 6.360,8 km² và quy mô dân số 3.207.000 người.

(20) Sáp nhập tỉnh **Bến Tre**, tỉnh **Vĩnh Long** và tỉnh **Trà Vinh** thành 01 tỉnh mới có tên gọi là tỉnh **Vĩnh Long**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố Vĩnh Long**, tỉnh **Vĩnh Long** hiện nay (giảm 2 tỉnh) có diện tích tự nhiên 6.296,2 km² và quy mô dân số 3.367.400 người.

(21) Sáp nhập tỉnh **Tiền Giang** và tỉnh **Đồng Tháp** thành 01 tỉnh mới có tên gọi là tỉnh **Đồng Tháp**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố Mỹ Tho**, tỉnh **Tiền Giang** (giảm 1 tỉnh) có diện tích tự nhiên 5.938,7 km² và quy mô dân số 3.397.200 người.

(22) Sáp nhập tỉnh **Bạc Liêu** và tỉnh **Cà Mau** thành 01 tỉnh mới có tên gọi là tỉnh **Cà Mau**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố Cà Mau**, tỉnh **Cà Mau** hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 7.942,4 km² và quy mô dân số 2.140.600 người.

(23) Sáp nhập tỉnh **Kiên Giang** và tỉnh **An Giang** thành 01 tỉnh mới có tên gọi là tỉnh **An Giang**, trung tâm hành chính - chính trị đặt tại **thành phố Rạch Giá**, tỉnh **Kiên Giang** hiện nay (giảm 01 tỉnh) có diện tích tự nhiên 9.888,9 km² và quy mô dân số 3.679.200 người.

4. Tiêu chí và phương án tổ chức lại ĐVHC cấp xã

4.1. Nguyên tắc tổ chức sắp xếp lại ĐVHC cấp xã

Trên cơ sở định hướng của Bộ Chính trị, Ban Bí thư tại Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025, Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025, Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 và Nghị quyết số 60-NQ/TW Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Chính phủ đã nghiên cứu, hoàn thiện kỹ lưỡng, đa chiều với tư duy đổi mới, từ đó đề xuất các nguyên tắc tổ chức sắp xếp, tổ chức lại các ĐVHC cấp xã hiện nay thành các ĐVHC cấp xã mới, như sau:

(1) Sắp xếp, tổ chức lại các ĐVHC cấp xã hiện nay theo hướng bỏ cấp trung gian (cấp huyện), hình thành các ĐVHC cấp xã mới, gồm xã, phường và đặc khu (không còn loại hình ĐVHC thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, thị xã, quận, huyện, thị trấn).

(2) ĐVHC cấp xã sau sắp xếp phải đảm bảo chính quyền địa phương cấp xã quản lý hiệu quả địa bàn, nắm chắc tình hình, gần dân, sát dân, phục vụ Nhân dân tốt nhất.

(3) Trường hợp sắp xếp phường với các ĐVHC cùng cấp thì ĐVHC sau sắp xếp là phường; trường hợp sắp xếp xã, thị trấn thì ĐVHC mới sau sắp xếp là xã.

(4) Chuyển các huyện đảo, thành phố đảo hiện nay thành ĐVHC cấp xã có tên gọi là đặc khu. Theo đó, hình thành 11 đặc khu thuộc tỉnh từ 1 huyện đảo, (11 huyện đảo, gồm: Vân Đồn, Cô Tô, Cát Hải, Trường Sa, Hoàng Sa, Phú Quý, Kiên Hải, Bạch Long Vĩ, Côn Cỏ, Lý Sơn, Côn Đảo). Riêng đối với **thành phố Phú Quốc** tỉnh Kiên Giang, cấp có thẩm quyền đã đồng ý chủ trương tách xã Thổ Châu thuộc thành phố Phú Quốc để thành lập 01 huyện riêng, theo đó nghiên cứu thành lập 02 đặc khu: Phú Quốc và Thổ Châu.

(5) Trường hợp thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã làm thay đổi địa giới ĐVHC cấp huyện thì không phải xem xét điều kiện, tiêu chuẩn và không phải thực hiện quy trình, thủ tục điều chỉnh địa giới của ĐVHC cấp huyện mà ĐVHC cấp xã đó trực thuộc.

(6) Không bắt buộc sắp xếp đối với các ĐVHC cấp xã có vị trí biệt lập và khó tổ chức giao thông kết nối với các ĐVHC liền kề hoặc có vị trí đặc biệt quan trọng ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh và việc bảo vệ chủ quyền quốc gia.

(7) Tổng số lượng ĐVHC xã, phường sau sắp xếp giảm còn khoảng 60 - 70% so với số lượng ĐVHC cấp xã hiện nay trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; đồng thời phải bảo đảm tương quan hợp lý, tránh tạo sự giãn

cách, chênh lệch lớn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số giữa các xã, phường mới sau sắp xếp.

4.2. Về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã

Trên cơ sở nghiên cứu lịch sử hình thành, phát triển, quá trình sắp xếp ĐVHC các cấp ở nước ta, căn cứ cơ sở khoa học về các yếu tố cấu thành ĐVHC cấp tỉnh, kinh nghiệm quốc tế và mô hình chính quyền địa phương cấp xã theo định hướng mới, đề xuất tiêu chí, tiêu chuẩn ĐVHC cấp xã như sau:

4.2.1. Căn cứ vào nguyên tắc sắp xếp ĐVHC quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng, lựa chọn phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã, bảo đảm cả nước giảm khoảng 60% đến 70% số lượng ĐVHC cấp xã so với hiện nay, phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, miền núi, vùng cao, biên giới, vùng đồng bằng, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đáp ứng các định hướng sau đây:

(1) Xã miền núi, vùng cao hình thành sau sắp xếp có diện tích tự nhiên đạt từ 200% trở lên và quy mô dân số đạt từ 100% trở lên tiêu chuẩn của xã tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

(2) Xã hình thành sau sắp xếp không thuộc trường hợp nêu trên có quy mô dân số đạt từ 200% trở lên và diện tích tự nhiên đạt từ 100% trở lên tiêu chuẩn của xã tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

(3) Phường hình thành sau sắp xếp thuộc thành phố trực thuộc trung ương có quy mô dân số từ 45.000 người trở lên; phường thuộc tỉnh hình thành sau sắp xếp ở khu vực miền núi, vùng cao, biên giới có quy mô dân số từ 15.000 người trở lên; các phường còn lại có quy mô dân số từ 21.000 người trở lên; diện tích tự nhiên đạt từ 5,5 km² trở lên.

(4) Việc sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc ĐVHC cấp huyện ở hải đảo phải bảo đảm quốc phòng, an ninh theo định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2.2. Trường hợp sắp xếp từ 03 ĐVHC cấp xã trở lên thành 01 xã, phường mới thì không phải xem xét, đánh giá tiêu chuẩn.

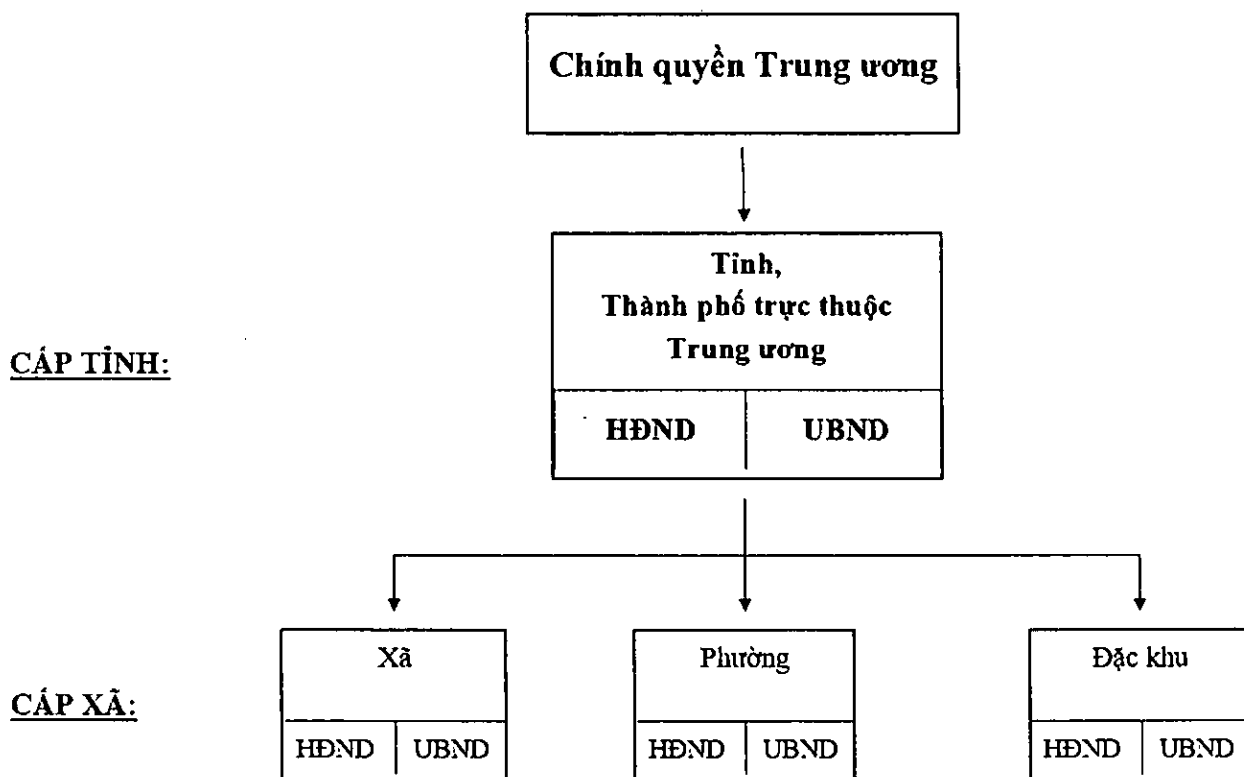
4.2.3. Trường hợp ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp không thể đáp ứng các định hướng về tiêu chuẩn quy định mà không thuộc trường hợp quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025 thì Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW và tiêu chí nêu trên, giao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu, xây dựng phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu định hướng của Trung ương; chính quyền địa phương cấp xã gần dân, sát dân, phục vụ Nhân dân tốt nhất.

V. TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP

1. Phương án tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp như sau:
(1) Cấp tỉnh gồm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; (2) Cấp xã gồm xã, phường (trong đất liền) và đặc khu (ở hải đảo). Theo đó, bỏ ĐVHC cấp huyện và thị trấn.

Chính quyền địa phương	Cấp	Tên đơn vị hành chính
	Tỉnh	Tỉnh
		Thành phố trực thuộc Trung ương
	Xã	Xã
		Phường
		Đặc khu



1.1. Tổ chức chính quyền địa phương cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)

1.1.1. Cơ cấu tổ chức: *Cơ bản giữ nguyên như mô hình tổ chức chính quyền địa phương cấp tỉnh như hiện nay, cụ thể như sau:*

a) Chính quyền địa phương cấp tỉnh gồm có Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban nhân dân (UBND);

b) HĐND tỉnh thành lập 03 Ban là Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội (đối với tỉnh có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số ***có thể*** thành lập thêm Ban Dân tộc). HĐND thành phố trực thuộc trung ương thành lập 04 Ban (Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội và Ban Đô thị) theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

c) Việc tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện theo quy định của Chính phủ.

d) Nhập nguyên trạng các cơ quan thuộc HĐND, cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc UBND ở ĐVHC cấp tỉnh mới hình thành sau sắp xếp. Đối với các cơ quan chuyên môn đặc thù thuộc HĐND, UBND cấp tỉnh thì việc tổ chức các cơ quan này do chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và hướng dẫn của Chính phủ.

1.1.2. Biên chế cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh

Số lượng cán bộ, công chức, viên chức của cấp tỉnh sau sắp xếp tối đa không vượt quá tổng số cán bộ, công chức, viên chức (số có mặt) của cấp tỉnh trước sắp xếp và thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản bố trí theo đúng quy định. Sau khi chính quyền địa phương cấp tỉnh sau sắp xếp đi vào hoạt động, đề nghị Bộ Chính trị giao Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Đảng ủy Chính phủ và các cơ quan liên quan căn cứ quy mô dân số, diện tích tự nhiên, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp tỉnh để xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm trình cấp có thẩm quyền giao biên chế cho các địa phương.

1.1.3. Phương án bố trí đội ngũ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh

a) Đề nghị Bộ Chính trị giao Ban Tổ chức Trung ương tham mưu, hướng dẫn bố trí, sắp xếp đội ngũ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh (Đảng, đoàn thể, HĐND, UBND cấp tỉnh và các Ban chuyên môn của cơ quan Đảng, đoàn thể) của các địa phương sau sáp nhập, đặc biệt là nhân sự bố trí đối với cấp trưởng và định hướng giải quyết đối với số lượng cấp phó dồi dư sau sáp nhập các tỉnh, thành phố.

b) Chính phủ chỉ đạo Bộ Nội vụ hướng dẫn việc sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh và các đơn vị sự nghiệp công lập. Trước mắt, giữ nguyên số lượng cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị; sau khi các cơ quan này đi vào hoạt động ổn định, giao Bộ Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương rà soát, hoàn thiện vị trí việc làm, xác định biên chế các địa phương trình cấp có thẩm quyền giao biên chế của cả hệ thống chính trị ở các địa phương.

1.1.4. Chế độ, chính sách

Bảo lưu chế độ, chính sách tiền lương và phụ cấp chức vụ hiện hưởng (nếu có) của cán bộ, công chức, viên chức được bố trí làm việc tại ĐVHC cấp tỉnh mới sau sắp xếp trong thời gian 06 tháng. Sau thời gian này sẽ thực hiện chế độ, chính sách tiền lương và phụ cấp chức vụ phù hợp với quy định mới của pháp luật.

1.2. Tổ chức chính quyền địa phương cấp xã (xã, phường, đặc khu)

1.2.1. Cơ cấu tổ chức

a) Chính quyền địa phương cấp xã gồm có HĐND và UBND.

b) HĐND cấp xã thành lập 02 Ban là Ban Pháp chế và Ban Kinh tế - Xã hội.

c) Về tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã: Do bỏ toàn bộ ĐVHC cấp huyện, tổ chức sắp xếp lại các ĐVHC cấp xã để hình thành các ĐVHC cấp xã có quy mô lớn hơn so với cấp xã hiện nay; đồng thời chuyển toàn bộ nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp huyện hiện nay về cho xã, phường, đặc khu thực hiện. Theo đó, Chính phủ dự kiến **UBND cấp xã tổ chức tối đa 04 Phòng chuyên môn và tương đương phù hợp với đặc điểm đô thị, nông thôn, hải đảo (đặc khu).**

- **Đối với ĐVHC cấp xã giữ nguyên trạng (không sắp xếp) thì có thể không tổ chức Phòng chuyên môn.** Chính phủ dự kiến bố trí tăng thêm 01 Phó Chủ tịch UBND và một số công chức cho UBND cấp xã nơi không tổ chức Phòng chuyên môn và giao chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định cụ thể đối với từng ĐVHC cấp xã trên địa bàn.

- **Đối với trường hợp sắp xếp từ 02 ĐVHC cấp xã trở lên thành 01 ĐVHC cấp xã mới,** định hướng tổ chức tối đa 04 Phòng chuyên môn và tương đương thuộc UBND cấp xã. Giao UBND cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, quy mô diện tích tự nhiên, dân số, đặc thù quản lý của từng ĐVHC cấp xã để quyết định số lượng cơ quan chuyên môn thuộc UBND của từng cấp xã cho

phù hợp với thực tiễn, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo hướng dẫn của Chính phủ.

d) Định hướng tổ chức 04 Phòng và tương đương với các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

(1) Văn phòng HĐND và UBND *(tham mưu thực hiện nhiệm vụ chung của HĐND và UBND cấp xã)*

- Tham mưu, giúp HĐND, UBND cấp xã về: Chương trình, kế hoạch công tác của HĐND, Thường trực HĐND, UBND và cơ quan chuyên môn thuộc UBND; tham mưu hoạt động của Thường trực HĐND; công tác chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch UBND; cung cấp thông tin, bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động của HĐND, UBND và các cơ quan nhà nước ở cấp xã; thực hiện công tác quản trị nội bộ của Văn phòng.

- Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý, nuôi con nuôi, hộ tịch, chứng thực, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các công tác tư pháp khác; công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

- Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác ngoại vụ, biên giới *(Đối với ĐVHC cấp xã có đường biên giới lãnh thổ quốc gia trên đất liền, trên biển và hải đảo)*.

(2) Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường và đặc khu Phú Quốc)

- **Phòng Kinh tế (đối với xã, đặc khu):** Tham mưu, giúp UBND thực hiện các nhiệm vụ trong các lĩnh vực về: Phát triển kinh tế, kế hoạch, đầu tư, tài chính, ngân sách; quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; quy hoạch, phát triển đô thị, hạ tầng đô thị; tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, kinh tế hợp tác; công tác giảm nghèo; đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, môi trường; xây dựng, giao thông; nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối, phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn; biển và hải đảo *(đối với ĐVHC cấp xã có biển, đảo)*; phòng, chống thiên tai trên địa bàn.

- **Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường và đặc khu Phú Quốc):** Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện các nhiệm vụ trong các lĩnh vực về: Phát triển kinh tế, kế hoạch, đầu tư, tài chính, ngân sách; quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; quy hoạch, phát triển đô thị, quy hoạch xây dựng, kiến

trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; hạ tầng kỹ thuật đô thị (bao gồm: cấp nước, thoát nước đô thị, chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị); nhà ở; công sở; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch; công tác giảm nghèo; đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, môi trường; xây dựng, giao thông; biển và hải đảo (đối với ĐVHC cấp xã có biển, đảo); phòng, chống thiên tai trên địa bàn.

(3) Phòng Văn hóa - Xã hội

- Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; hội, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên; lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới; công tác dân tộc và tín ngưỡng, tôn giáo;

- Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông (giáo dục tiểu học và giáo dục trung học cơ sở); giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên.

- Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; quảng cáo; bưu chính; viễn thông; công nghệ thông tin (không bao gồm an toàn thông tin, an ninh mạng); phát thanh truyền hình; báo chí; xuất bản; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; hạ tầng thông tin; khoa học và công nghệ; kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số.

- Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy).

(4) Trung tâm phục vụ hành chính công

- Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết các thủ tục hành chính và cung ứng các dịch vụ công trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn.

- Phối hợp với các cơ quan nhà nước ở Trung ương tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn để tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn.

Lưu ý: Đối với chính quyền địa phương đặc khu (hải đảo), chức năng, nhiệm vụ của các phòng và các dịch vụ công phục vụ người dân tại Trung tâm phục vụ hành chính công sẽ được điều chỉnh phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương đặc khu.

1.2.2. Tiêu chuẩn cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã

Chính phủ trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV ban hành Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi) bảo đảm liên thông đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã với cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương. Trước mắt, Bộ Nội vụ hướng dẫn tiêu chuẩn cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã.

1.2.3. Biên chế cán bộ, công chức, viên chức cấp xã

Do quy mô ĐVHC cấp xã lớn hơn so với hiện nay và nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp xã tăng lên (*thực hiện toàn bộ nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp huyện và cấp xã hiện nay*). Theo đó, Chính phủ dự kiến biên chế cán bộ, công chức, viên chức cấp xã theo định hướng như sau:

(1) Trước mắt giữ nguyên số lượng biên chế cán bộ, công chức, viên chức của cấp huyện và cán bộ, công chức của cấp xã hiện có trước sắp xếp để bố trí cho các ĐVHC cấp xã mới (sau sắp xếp). Thực hiện việc rà soát, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản theo đúng quy định. Giao Bộ Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan liên quan căn cứ quy mô dân số, diện tích tự nhiên, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp xã làm cơ sở xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm trình cấp có thẩm quyền giao biên chế cán bộ, công chức, viên chức cấp xã cho các địa phương.

(2) Kết thúc việc sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; giao chính quyền địa phương xem xét, ***có thể*** sắp xếp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tham gia công tác tại thôn, tổ dân phố; thực hiện chính sách nghỉ việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã mà không bố trí công tác theo quy định.

(3) Căn cứ quy mô dân số, diện tích tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các ĐVHC cấp xã, Chính phủ định hướng giao tổng biên chế chính quyền địa phương cấp xã cho các địa phương (dự kiến bình quân khoảng 32 biên chế/01 cấp xã). Trên cơ sở đó, giao chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định số lượng biên chế đối với chính quyền địa phương từng ĐVHC cấp xã trên địa bàn cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

1.2.4. Chế độ, chính sách

Bảo lưu chế độ, chính sách tiền lương và phụ cấp chức vụ hiện hưởng (nếu có) của cán bộ, công chức được bố trí làm việc tại ĐVHC cấp xã mới sau sắp xếp trong thời gian 06 tháng. Sau thời gian này sẽ thực hiện chế độ, chính sách tiền lương và phụ cấp chức vụ phù hợp với quy định mới của pháp luật.

1.3. Đối với thôn, tổ dân phố của cấp xã

Tiếp tục xác định thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư, không phải là cấp hành chính; trước mắt giữ nguyên thôn, tổ dân phố hiện có. Chính phủ chỉ đạo Bộ Nội vụ nghiên cứu và xác định lộ trình sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố theo hướng tinh gọn, phục vụ trực tiếp đời sống của cộng đồng dân cư trên địa bàn cấp xã.

1.4. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập

1.4.1. Giữ nguyên các đơn vị sự nghiệp giáo dục, y tế và thực hiện chuyển giao cho chính quyền cấp xã quản lý các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non, trạm y tế của đơn vị cấp xã mới để bảo đảm công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân ngay tại cơ sở và bảo đảm đủ trường, lớp cho học tập của học sinh trên địa bàn cấp xã.

1.4.2. Đối với các đơn vị sự nghiệp khác, Chính phủ chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện tinh gọn đầu mối, bảo đảm cung ứng nhiều dịch vụ công cơ bản, thiết yếu trên địa bàn đơn vị hành chính cấp xã, liên xã, phường.

1.5. Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp tỉnh và cấp xã

Đối với cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương): Là cấp cao nhất trong hệ thống tổ chức chính quyền địa phương, là nơi chịu sự chỉ đạo trực tiếp của chính quyền Trung ương. Cấp tỉnh có địa vị pháp lý rất quan trọng, có các chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền bao quát một địa bàn dân cư rộng lớn (*tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*) với các đặc điểm, đặc thù, tính chất và yêu cầu quản lý rất đa dạng. Vì vậy, đòi hỏi phải có một mô hình tổ chức thích hợp với đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và khả năng quản lý, điều hành, nhằm giúp Trung ương quản lý theo địa bàn lãnh thổ tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội tại mỗi tỉnh, thành phố, đảm bảo thực hiện hiệu quả các thể chế, chính sách, pháp luật thống nhất từ trung ương đến địa phương trên phạm vi cả nước. Theo đó, *cấp tỉnh vừa là cấp thực hiện chính sách (từ Trung ương), vừa là cấp ban hành chính sách trên địa bàn tỉnh, thành phố.*

Đối với cấp xã (xã, phường, đặc khu): Là cấp chính quyền sát dân nhất, gần bó mật thiết với Nhân dân, đại diện trực tiếp cho ý chí, nguyện vọng, quyền và lợi ích của Nhân dân, đồng thời là nơi trực tiếp tổ chức các hoạt động quản lý, điều

hành các công việc hành chính và trực tiếp tổ chức thực hiện các thể chế, chính sách, pháp luật của Trung ương và chính quyền địa phương cấp tỉnh tại địa bàn cấp xã. Theo đó, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của chính quyền địa phương cấp xã cần được xây dựng và quy định phù hợp theo hướng **chủ yếu là Cấp thực hiện chính sách (từ trung ương và cấp tỉnh), được ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức thi hành pháp luật và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của cấp xã trên địa bàn.**

Từ định hướng xác định vị trí, vai trò, chức năng của từng cấp chính quyền địa phương (cấp tỉnh và cấp xã) nêu trên, làm căn cứ đề xuất xác định và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền cấp tỉnh và cấp xã như sau:

1.5.1. Đối với chính quyền địa phương cấp tỉnh

Ngoài các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp tỉnh theo quy định hiện hành, Chính phủ sẽ tập trung chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ rà soát, đề xuất sửa đổi Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các luật chuyên ngành để **đẩy mạnh phân cấp, phân quyền** cho chính quyền địa phương cấp tỉnh thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn hiện nay đang quy định cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, bảo đảm phù hợp với thực tiễn, đặc điểm, đặc thù của từng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tạo sự chủ động, sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương cấp tỉnh theo phương châm “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*”. Theo đó, **chính quyền địa phương cấp tỉnh có 10 Nhóm nhiệm vụ, quyền hạn cơ bản sau đây:**

(1) Tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật ở địa phương bảo đảm tính thống nhất trong thực hiện thể chế, chính sách, pháp luật từ Trung ương đến địa phương, tính thống nhất, thông suốt của nền hành chính quốc gia.

(2) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn và hằng năm; quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực của địa phương theo quy định của pháp luật; những vấn đề liên quan đến 02 ĐVHC cấp xã trở lên.

(3) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; quyết định các nội dung liên quan đến phí, lệ phí, việc vay các nguồn vốn theo quy định của pháp luật.

(4) Quyết định cơ chế, chính sách, biện pháp để phát triển các lĩnh vực tài chính, đầu tư, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, đất đai, tài nguyên, môi trường, thương mại, dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp,

xây dựng, giao thông vận tải, giáo dục, y tế, hành chính tư pháp, nội vụ, lao động, xã hội, văn hóa, thông tin, du lịch, thể dục thể thao của địa phương theo quy định của pháp luật.

(5) Quyết định biện pháp để thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo; biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đối ngoại; biện pháp bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân, bảo đảm quyền con người, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác ở địa phương theo quy định của pháp luật;

(6) Căn cứ vào chủ trương của Đảng, quyết định áp dụng thí điểm các chính sách đặc thù, đặc biệt, chưa được quy định trong pháp luật để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn sau khi đã báo cáo và được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện.

(7) Quyết định về các vấn đề về nhân sự của cấp mình và cấp xã theo phân cấp quản lý cán bộ của cơ quan có thẩm quyền; ban hành theo thẩm quyền các quy chế, quy định về phương thức tổ chức, hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của cấp mình;

(8) Quyết định biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương các cấp theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao; quyết định tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý; quyết định tổng số lượng và mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách; quyết định chính sách trọng dụng nhân tài, chính sách thu hút, khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại địa phương phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương.

(9) Ban hành các chính sách, pháp luật về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung các thể chế, chính sách do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật.

(10) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được các cơ quan nhà nước ở Trung ương phân cấp, ủy quyền; các nhiệm vụ, quyền hạn chuyển giao từ chính quyền địa phương cấp huyện hiện nay đang thực hiện mà các nhiệm vụ, quyền hạn đó vượt quá khả năng thực hiện của cấp xã.

Đối với chính quyền địa phương thành phố trực thuộc Trung ương: Ngoài 10 nhóm nhiệm vụ, quyền hạn cơ bản nêu trên, còn có các nhiệm vụ, quyền hạn về quyết định chiến lược, cơ chế, chính sách, biện pháp để phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng đô thị, các ngành, lĩnh vực trên địa bàn; Quyết định biện pháp để phát huy vai trò trung tâm kinh tế - xã hội của đô thị lớn

trong mối liên hệ với các địa phương trong vùng, khu vực và cả nước; Quyết định biện pháp quản lý dân cư ở thành phố và tổ chức đời sống dân cư đô thị theo quy định của pháp luật.

1.5.2. Về chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương cấp xã (xã, phường, đặc khu)

Chính quyền địa phương cấp xã (xã, phường, đặc khu) thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn liên quan trực tiếp đến người dân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn hiện đang được quy định cho chính quyền địa phương cấp xã và chính quyền địa phương cấp huyện. Theo đó, các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp huyện hiện nay được chuyển toàn bộ về cho chính quyền địa phương cấp xã thực hiện. Căn cứ quy mô, điều kiện, đặc điểm của từng cấp xã và năng lực quản lý mà chính quyền địa phương cấp xã **được phân cấp, phân quyền nhiều hơn từ Trung ương và cấp tỉnh theo năng lực và yêu cầu quản lý (nhất là đối với các phường thuộc đô thị lớn, đặc khu Phú Quốc và các xã có quy mô lớn)**. Theo đó, **chính quyền địa phương cấp xã có 07 nhóm nhiệm vụ, quyền hạn cơ bản sau đây:**

(1) Tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật và văn bản của cơ quan cấp trên ở địa bàn.

(2) Quyết định về tài chính, ngân sách của cấp mình trên địa bàn cấp xã (trừ các nội dung thuộc thẩm quyền cấp tỉnh); được ban hành văn bản quy phạm pháp luật; được hỗ trợ nguồn tài chính, ngân sách từ Trung ương và cấp tỉnh để bảo đảm cho các hoạt động công ích.

(3) Thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nông nghiệp, phát triển cộng đồng, hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ, thúc đẩy ngành du lịch, dịch vụ.

(4) Quản lý tài sản, cơ sở hạ tầng phục vụ người dân trên địa bàn; quản lý các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trạm y tế, chăm sóc người cao tuổi, bảo vệ trẻ em, phúc lợi xã hội; duy trì truyền thống văn hóa ở địa phương, quản lý các cơ sở văn hóa, thể thao và giải trí.

(5) Cung ứng các dịch vụ công thiết yếu phục vụ người dân như cấp nước, xử lý nước thải, rác thải, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ trên địa bàn.

(6) Giải quyết các thủ tục hành chính và cung ứng các dịch vụ công trực tiếp đến người dân trên địa bàn.

(7) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được chính quyền địa phương cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền.

Đối với chính quyền địa phương ở phường (đô thị) thì ngoài việc thực hiện 07 nhóm nhiệm vụ chung của chính quyền địa phương cấp xã nêu trên, còn thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn riêng có của chính quyền đô thị. Đối với

chính quyền địa phương ở đặc khu (hải đảo) thì ngoài việc thực hiện 07 nhóm nhiệm vụ chung của chính quyền địa phương cấp xã, còn thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn riêng có của chính quyền địa phương đặc khu phù hợp với đặc thù của hải đảo.

3. Mối quan hệ công tác giữa chính quyền địa phương cấp tỉnh và cấp xã; mối quan hệ công tác theo ngành dọc từ trung ương đến cấp tỉnh và cấp xã

3.1. Mối quan hệ công tác giữa chính quyền địa phương cấp tỉnh và cấp xã

Mối quan hệ công tác giữa cấp tỉnh và cấp xã trong mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp là mối quan hệ chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ, phối hợp và cơ chế thông tin, báo cáo để đảm bảo sự thống nhất, hiệu quả trong quản lý nhà nước ở địa phương, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của cấp xã trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, cụ thể như sau:

a) Quan hệ chỉ đạo, điều hành theo chiều dọc và tính độc lập tương đối của chính quyền địa phương cấp xã

- Theo quy định của Hiến pháp, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước tuân thủ nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, nguyên tắc tập trung dân chủ, hình thức tổ chức nhà nước là nhà nước đơn nhất, lãnh thổ được chia thành các ĐVHC. Do vậy, chính quyền cấp tỉnh có chức năng, nhiệm vụ quản lý, điều hành tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng,... trên địa bàn tỉnh, thành phố (bao gồm cả cấp xã).

- Trong mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, cấp tỉnh đóng vai trò là cấp trực tiếp chỉ đạo và quản lý, điều hành các hoạt động của cấp xã trên địa bàn cấp tỉnh, thông qua việc cấp tỉnh có thẩm quyền ban hành các nghị quyết, quyết định, chỉ thị để chỉ đạo, hướng dẫn, điều hành và kiểm tra việc thực hiện đối với cấp xã, đảm bảo các hoạt động của chính quyền địa phương cấp xã phải thống nhất với các chủ trương, chính sách của chính quyền Trung ương và các nghị quyết, quyết định của HĐND và UBND cấp tỉnh.

- Chính quyền địa phương cấp tỉnh kiểm tra, giám sát đối với chính quyền địa phương cấp xã thông qua việc HĐND cấp tỉnh thực hiện quyền giám sát việc thi hành Hiến pháp, pháp luật tại địa phương, giám sát hoạt động của UBND cùng cấp và cấp xã theo quy định của pháp luật,... UBND cấp tỉnh thực hiện quyền kiểm tra, thanh tra hành chính đối với chính quyền địa phương cấp xã, đảm bảo hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong hệ thống hành chính. Việc kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực của chính quyền địa phương cấp tỉnh còn được thực hiện thông qua công tác nhân sự. Theo đó, Thường trực HĐND cấp tỉnh thực hiện việc phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND cấp xã; Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê

chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và quyết định điều động, cách thức Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã. Thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực của chính quyền cấp tỉnh đối với việc thực hiện pháp luật, chính sách và các nhiệm vụ được giao của chính quyền cấp xã sẽ đảm bảo hoạt động của cấp xã đi đúng hướng và hiệu quả.

- Chính quyền cấp tỉnh thực hiện việc phân cấp, ủy quyền các nhiệm vụ quản lý nhà nước cho chính quyền cấp xã nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương cấp xã trong quản lý, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 đã có một chương riêng về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp, ủy quyền của chính quyền địa phương các cấp phù hợp với yêu cầu của tình hình mới.

- Chính quyền địa phương cấp xã ***là cấp thực hiện chính sách*** có sự độc lập tương đối trong việc quyết định các vấn đề của địa phương phù hợp với chính sách, thể chế của Trung ương và chính quyền địa phương cấp tỉnh; thực hiện quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội ở địa phương theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước chính quyền địa phương cấp tỉnh. Chính quyền địa phương cấp xã phải thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Hiến pháp, luật và các văn bản của cơ quan nhà nước ở trung ương và các văn bản của chính quyền địa phương cấp tỉnh; chịu trách nhiệm trước chính quyền địa phương cấp tỉnh về kết quả hoạt động của mình, chịu sự giám sát, kiểm tra của chính quyền địa phương cấp tỉnh và có thể bị áp dụng các chế tài như đình chỉ, bãi bỏ văn bản trái pháp luật, bị giải tán nếu vi phạm pháp luật, làm thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân.

b) Quan hệ hướng dẫn và hỗ trợ

- Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ: Chính quyền địa phương cấp tỉnh (thông qua các cơ quan chuyên môn trực thuộc) có trách nhiệm hướng dẫn chính quyền địa phương cấp xã về chuyên môn, nghiệp vụ trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương như đất đai, tài chính, ngân sách, xây dựng, văn hóa, xã hội,... thông qua hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh.

- Hỗ trợ về nguồn lực: Chính quyền địa phương cấp tỉnh hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã về nguồn lực tài chính, nhân lực và các điều kiện cần thiết khác để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội do chính quyền địa phương cấp tỉnh triển khai có sự tham gia và thụ hưởng của chính quyền địa phương cấp xã.

- Bồi dưỡng, nâng cao năng lực: Chính quyền địa phương cấp tỉnh tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc tại địa bàn.

c) Quan hệ phối hợp

- Phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ: Chính quyền địa phương cấp tỉnh và chính quyền địa phương cấp xã thực hiện cơ chế phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện các nhiệm vụ chung, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến nhiều lĩnh vực hoặc có tính chất liên xã, liên phường, như: phòng chống thiên tai, dịch bệnh, xây dựng hạ tầng giao thông, phát triển kinh tế - xã hội,...

- Trong quá trình xây dựng và ban hành các quyết định, chính sách có liên quan đến cấp xã, chính quyền địa phương cấp tỉnh tổ chức lấy ý kiến của chính quyền địa phương cấp xã, đảm bảo tính khả thi và phù hợp với điều kiện, đặc điểm của cấp xã.

d) Chế độ thông tin, báo cáo

- Báo cáo định kỳ và đột xuất: Chính quyền địa phương cấp xã có trách nhiệm báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh và các vấn đề khác ở địa phương cho chính quyền địa phương cấp tỉnh.

- Thông tin hai chiều: Chính quyền địa phương cấp tỉnh thực hiện thông tin kịp thời, đầy đủ cho chính quyền địa phương cấp xã về các chủ trương, chính sách mới, các chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên cũng như các thông tin liên quan đến tình hình phát triển của tỉnh, thành phố và của đất nước. Đồng thời, chính quyền địa phương cấp tỉnh thực hiện tiếp nhận thông tin phản hồi từ chính quyền địa phương cấp xã để nắm bắt tình hình thực tế và điều chỉnh chính sách trên địa bàn cho phù hợp.

Như vậy, mối quan hệ công tác giữa chính quyền địa phương cấp tỉnh và chính quyền địa phương cấp xã trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp là một mối quan hệ đa dạng, hai chiều nhưng mang tính hệ thống và hữu cơ. Đây không chỉ là quan hệ chỉ đạo - phục tùng đơn thuần mà còn bao gồm các yếu tố hướng dẫn, hỗ trợ, phối hợp và thông tin. Mục tiêu của mối quan hệ này là đảm bảo sự thống nhất, hiệu quả, đồng bộ trong quản lý nhà nước ở địa phương, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của cả hai cấp, phục vụ tốt nhất cho người dân, doanh nghiệp và sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3.2. Mối quan hệ công tác theo ngành dọc từ trung ương đến cấp xã (giữa bộ, ngành trung ương, các Sở, ngành chuyên môn cấp tỉnh và phòng, ban chuyên môn cấp xã)

Khi tổ chức mô hình chính quyền địa phương theo 2 cấp, việc đảm bảo vận hành thuận lợi, đồng bộ, liên thông, thống nhất, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả mỗi

quan hệ công tác theo ngành dọc từ trung ương đến các cấp chính quyền địa phương là rất quan trọng. Điều này đòi hỏi mô hình mới (02 cấp) không chỉ tinh gọn bộ máy theo chiều ngang (giảm cấp trung gian) mà còn tối ưu hóa quy trình thực hiện công việc và trách nhiệm theo chiều dọc (từ trung ương xuống địa phương). Trong mô hình tổ chức chính quyền địa phương theo 2 cấp, vai trò của trung ương là cần phải đảm bảo sự thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả của toàn bộ hệ thống chính quyền nhà nước từ trung ương đến địa phương. Trung ương (các bộ, ngành) sẽ đóng vai trò định hướng, chỉ đạo, hỗ trợ và kiểm soát đối với chính quyền địa phương cấp tỉnh và chính quyền địa phương cấp xã (thông qua các Sở chuyên ngành theo lĩnh vực) nhưng cách thức và mức độ can thiệp sẽ khác nhau đối với từng cấp. Trung ương duy trì mối quan hệ chỉ đạo, kiểm soát và hỗ trợ chiến lược đối với cấp tỉnh, đảm bảo cấp tỉnh hoạt động theo đúng quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đối với cấp xã, vai trò của Trung ương có sự điều chỉnh, tập trung vào việc tạo khung pháp lý, chính sách và hỗ trợ gián tiếp thông qua cấp tỉnh. Trung ương không trực tiếp can thiệp sâu vào hoạt động thường xuyên của cấp xã mà chủ yếu thông qua hoạt động chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ và kiểm soát của cấp tỉnh.

Trên cơ sở đó, trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, *mối quan hệ công tác theo ngành dọc từ trung ương đến cấp xã như sau:*

a) Các bộ, ngành trung ương

Bộ, ngành trung ương đóng vai trò là cơ quan quản lý nhà nước cao nhất theo từng ngành, lĩnh vực trên phạm vi cả nước. Đối với hệ thống ngành dọc xuống đến cấp xã, vai trò của bộ, ngành trung ương là:

- Đề xuất cấp có thẩm quyền thiết lập khuôn khổ pháp lý và chính sách: Xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực trên toàn quốc, là nền tảng pháp lý và chính sách để các cấp chính quyền địa phương triển khai thực hiện.

- Định hướng chuyên môn và nghiệp vụ: Ban hành các hướng dẫn, quy trình, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ cho toàn ngành, đảm bảo tính thống nhất quản lý ngành, lĩnh vực từ trung ương xuống đến cấp xã.

- Giám sát và đánh giá: Thực hiện chức năng kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện pháp luật, chính sách và các quy định của ngành tại các cấp địa phương, bao gồm cả chính quyền địa phương cấp tỉnh và chính quyền địa phương cấp xã. Đồng thời, tổng kết, đánh giá hiệu quả hoạt động của ngành trên phạm vi cả nước.

- Hỗ trợ về nguồn lực và năng lực: Cung cấp hỗ trợ về tài chính (qua các chương trình, dự án), đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức thuộc hệ thống ngành dọc ở địa phương.

b) Các sở chuyên ngành, cơ quan, tổ chức khác thuộc chính quyền địa phương cấp tỉnh

Sở chuyên ngành, cơ quan, tổ chức khác thuộc chính quyền địa phương cấp tỉnh đóng vai trò là cơ quan trung gian, điều phối, là cầu nối giữa bộ, ngành trung ương, chính quyền địa phương cấp tỉnh và cấp xã trong hệ thống ngành dọc. Sở, ngành chuyên môn chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và sự chỉ đạo, điều hành của UBND, Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Vai trò của các sở chuyên ngành, cơ quan, tổ chức khác thuộc chính quyền địa phương cấp tỉnh như sau:

- Cụ thể hóa và triển khai chính sách của trung ương cho phù hợp với điều kiện, đặc điểm của địa phương, xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cấp tỉnh để triển khai các chính sách đó.

- Chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ cho cấp xã, cho cán bộ, công chức phụ trách lĩnh vực tương ứng.

- Kiểm tra, giám sát và hỗ trợ cấp xã trong việc thực hiện các quy định, chính sách của ngành đồng thời hỗ trợ cấp xã giải quyết các khó khăn, vướng mắc về chuyên môn nghiệp vụ.

- Tổng hợp thông tin, báo cáo từ cấp xã về tình hình hoạt động của ngành trên địa bàn tỉnh, tổng hợp và báo cáo lên Bộ, ngành trung ương và UBND tỉnh.

c) Mối quan hệ công tác ngành dọc từ trung ương, cấp tỉnh đến cơ quan chuyên môn của cấp xã

- Quan hệ chỉ đạo - phục tùng về chuyên môn, nghiệp vụ: Cấp dưới (sở chuyên ngành và cơ quan, tổ chức khác thuộc chính quyền địa phương cấp tỉnh và cấp xã) phục tùng sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của cấp trên (Bộ, ngành trung ương).

- Quan hệ hướng dẫn, kiểm tra: Cấp trên hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, giám sát việc thực hiện của cấp dưới để đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả hoạt động của ngành, lĩnh vực.

- Quan hệ thông tin hai chiều: Thông tin được truyền từ trên xuống (chính sách, chỉ thị, hướng dẫn,...) và từ dưới lên (báo cáo, phản hồi, đề xuất...).

- Quan hệ phối hợp: Các cấp thực hiện cơ chế phối hợp chặt chẽ với nhau để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ chung của ngành, lĩnh vực theo chỉ đạo tập trung, thống nhất của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với nền hành chính nhà nước.

Tóm lại, trong mô tổ chức hình chính quyền địa phương 2 cấp, vai trò của trung ương đóng vai trò quyết định đối với việc kiến tạo khuôn khổ pháp lý, định hướng phát triển, thực hiện đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và điều phối quyền

lực, hỗ trợ nguồn lực và kiểm soát hoạt động của chính quyền địa phương (cấp tỉnh, cấp xã). Tuy nhiên, đối với cấp tỉnh, trung ương duy trì mối quan hệ chỉ đạo, điều hành và kiểm soát trực tiếp, toàn diện. Đối với cấp xã, vai trò của trung ương mang tính gián tiếp, chủ yếu thông qua cấp tỉnh, tập trung vào việc tạo lập khung pháp lý, chính sách chung và hỗ trợ gián tiếp nhằm tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương, đồng thời vẫn đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất, thông suốt của trung ương và sự vận hành hiệu quả, đồng bộ của toàn bộ hệ thống chính quyền nhà nước.

Phần thứ ba

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Thực hiện đúng các nguyên tắc, mục tiêu, yêu cầu theo Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ việc sắp xếp hệ thống chính trị thống nhất, kịp thời, hiệu quả từ Trung ương đến địa phương.

2. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy các cơ quan Trung ương, địa phương, trong đó đặc biệt vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp, nhất là người đứng đầu phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn trong quá trình chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

3. Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, công tác tư tưởng cho đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và người dân nhận thức rõ nhiệm vụ chính trị, lợi ích của việc sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp để tạo được sự đồng thuận cao trong quá trình thực hiện. Cấp ủy, chính quyền địa phương cần lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của người dân, của cán bộ, công chức, viên chức để tạo được sự đồng thuận; các cơ quan Trung ương cần sát sao hơn để cùng địa phương nắm tình hình và chỉ đạo giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

4. Khẩn trương nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới hệ thống thể chế, chính sách, pháp luật bảo đảm đơn giản hóa quy trình, thủ tục, tạo thuận cho quá trình thực hiện; đặc biệt quan tâm chú trọng hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chịu tác động ảnh hưởng của việc triển khai thực hiện Đề án sau khi đã được Ban Chấp hành Trung ương thông qua.

5. Xây dựng và triển khai thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp phải gắn với việc đổi mới căn bản, toàn diện phương thức lãnh đạo của cấp ủy Đảng, hệ thống chính trị ở địa phương, phương thức tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương các cấp; xác định và phân định rõ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp tỉnh và cấp xã; thực hiện hiệu quả việc phân cấp, phân quyền giữa Trung ương và cấp tỉnh, giữa cấp tỉnh và cấp xã nhằm đề cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương; bảo đảm các điều kiện cần thiết về tài chính, nguồn nhân lực, hạ tầng giao thông đồng bộ, thông suốt, đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, xã hội số, công dân số nhằm thích ứng nhanh yêu cầu tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương theo mô hình 02 cấp.

6. Việc sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp ngoài việc căn cứ vào các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên, quy mô dân số, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, còn phải tính đến mục tiêu, quan trọng là mở rộng không gian phát triển mới, tạo động lực của các ĐVHC trong mỗi liên hệ với nội vùng và liên kết vùng; đồng thời phải nghiên cứu kỹ lưỡng các yếu tố đặc thù về lịch sử truyền thống, văn hóa, điều kiện kết nối hạ tầng giao thông và sự tương đồng giữa các ĐVHC cùng cấp, bảo đảm sự phát triển kinh tế - xã hội trong chiến lược dài hạn, tạo thuận lợi tối đa cho cuộc sống, sinh hoạt và giao dịch hành chính của người dân.

7. Quá trình rà soát, đánh giá hiện trạng ĐVHC, lập phương án sắp xếp ĐVHC các cấp và dự kiến bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp phải được tiến hành khoa học, khách quan, công khai, minh bạch nhằm bảo đảm đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có chất lượng, đủ điều kiện, tiêu chuẩn, kỹ năng thực hiện công việc nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Đồng thời, quan tâm việc bố trí và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhất là những người trực tiếp chịu tác động ảnh hưởng khi sắp xếp tổ chức và tinh giản biên chế phải kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy trình, thủ tục theo quy định của Đảng và của pháp luật; chú trọng chăm lo đời sống của Nhân dân, gắn sắp xếp tổ chức bộ máy với thiết thực nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân.

8. Tập trung hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, nắm bắt tình hình thực hiện thường xuyên, liên tục ở các cấp, bảo đảm kịp thời tháo gỡ, giải quyết ngay các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện; đồng thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền để có hướng dẫn phù hợp trong trường hợp vượt quá thẩm quyền. Ở giai đoạn ngay sau khi sắp xếp, cần quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư cần thiết để các ĐVHC cấp tỉnh và cấp xã mới sớm ổn định về tổ chức và hoạt động, có nền tảng ban đầu để thực hiện yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, để người dân thấy được ngay tác dụng, hiệu quả tích cực của việc sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và thiết lập tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình 02 cấp.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với các cơ quan Trung ương

1.1. Đề nghị Bộ Chính trị chủ trì Hội nghị toàn quốc quán triệt triển khai thực hiện đến các tỉnh ủy, thành ủy, các Ban Đảng, cấp ủy các Bộ, ngành trung ương về việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở địa phương.

1.2. Đề nghị Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

a) Kịp thời xem xét, ban hành Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC năm 2025 theo đề nghị của Chính phủ, bảo đảm đơn giản hoá quy trình thủ tục, đề cao vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương, hoàn thành trước ngày **15/4/2025**;

b) Chỉ đạo khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Quốc hội (Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp ĐVHC và các Luật chuyên ngành có liên quan,...); ban hành các nghị quyết về sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh và cấp xã, hoàn thành trước ngày **30/6/2025**.

1.3. Chính phủ:

a) Lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, hiệu quả việc sắp xếp, hợp nhất các ĐVHC cấp tỉnh, sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã (bỏ cấp huyện) và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng chủ trương của Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

b) Chỉ đạo thành lập Ban Chỉ đạo của Chính phủ về xây dựng, thực hiện Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; ban hành Nghị quyết của Chính phủ về Kế hoạch thực hiện; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phân công các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch, tiến độ được giao.

c) Chỉ đạo Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành trung ương liên quan hướng dẫn UBND cấp tỉnh xây dựng Đề án sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh và sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã ở địa phương trình Chính phủ để trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định theo thẩm quyền, hoàn thành trước ngày **15/6/2025**.

d) Chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ động đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Cán bộ, công chức; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; các Luật chuyên ngành và các Nghị định, thông tư quy định về cơ cấu

tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn và các vấn đề liên quan của chính quyền địa phương cấp tỉnh và cấp xã) khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp thuộc thẩm quyền đề xuất hoặc ban hành của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, bảo đảm thực hiện đồng bộ với thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013, không tạo ra khoảng trống pháp lý để chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã sau sắp xếp hoạt động liên tục, thông suốt, kịp thời phục vụ người dân và doanh nghiệp, hoàn thành *trước ngày 30/6/2025*.

đ) Chỉ đạo bố trí ngân sách hỗ trợ cho các tỉnh, thành phố nhận bổ sung cân đối ngân sách trung ương bảo đảm điều kiện cho việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã với mức **100 tỷ đồng** cho 01 ĐVHC cấp tỉnh giảm, **500 triệu đồng** cho 01 ĐVHC cấp xã giảm.

e) Chỉ đạo Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan hướng dẫn việc sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Chính phủ để báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, HĐND và UBND cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện Nghị quyết về việc sắp xếp ĐVHC các cấp sau khi được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành. Kịp thời giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương trong quá trình thực hiện.

Thời gian hoàn thành: *30/6/2025*.

2. Đối với tỉnh ủy, thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

2.1. Thành lập Ban Chỉ đạo triển khai xây dựng Đề án sắp xếp, hợp nhất các ĐVHC cấp tỉnh (đối với các tỉnh, thành phố thực hiện sáp nhập) và tổ chức lại ĐVHC cấp xã theo đúng nguyên tắc, tiêu chuẩn, định hướng của Trung ương, bảo đảm chính quyền địa phương cấp xã gần dân, sát dân, phục vụ Nhân dân tốt nhất.

2.2. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động trong quá trình thực hiện.

2.3. Chỉ đạo UBND cấp tỉnh chủ động, khẩn trương xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC cấp xã bảo đảm đúng chỉ đạo, định hướng của Trung ương trình Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định. UBND cấp tỉnh quyết định nội dung, hình thức, thời hạn tổ chức lấy ý kiến Nhân dân là cử tri

đại diện hộ gia đình trên địa bàn cho phù hợp với thực tiễn địa phương, thông qua HĐND các cấp trước khi trình Chính phủ theo quy định.

Thời gian hoàn thành: Trước ngày **01/5/2025**.

2.4. Theo phân công của Chính phủ, tỉnh uỷ, thành uỷ nơi được xác định là trung tâm hành chính - chính trị của ĐVHC cấp tỉnh mới chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các địa phương liên quan xây dựng Đề án sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh theo phương án và lộ trình đã được cấp có thẩm quyền thông qua để trình Chính phủ.

Thời gian hoàn thành: Trước ngày **01/5/2025**.

2.5. Chủ động chỉ đạo, tiến hành sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động gắn chặt chẽ với việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ tại các ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã và cơ quan, tổ chức, đơn vị khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm chính quyền địa phương các cấp sau sắp xếp, tổ chức lại ổn định, đi vào hoạt động thông suốt, không để khoảng trống pháp lý, gián đoạn công việc của từng cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính quyền địa phương các cấp. Đối với các tỉnh, thành phố sắp xếp, sáp nhập chủ động có giải pháp bố trí trụ sở làm việc, nhà ở công vụ, phương tiện đi lại cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, thành phố mới sau sáp nhập./.